

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3440/QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

SAO GỬI	CT	TG	SS
GP			
PGĐ LONG		X	
PGĐ TUẤN	X		
VP			
TH			
TTRA			
CNDV			
QLPTDN	X		
NNNT		X	
VHXH			
TĐ-GSĐT			
KTDN			
BKKD			
TTTTVT			

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và
kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh
tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy
lợi và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 143/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về
phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu
nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh
nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu
tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh
nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công
bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 65/TT-KHĐT ngày
19/12/2016 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư
phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công
trình thủy lợi Thủy Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển
giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy
lợi Thủy Nguyên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện tốt công tác quản lý điều hành, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo nguồn nước có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp; phát triển dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng, sản xuất nước sạch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn huyện và thành phố;

- Tận dụng đất đai, cơ sở vật chất sẵn có tại các công trình để mở rộng các ngành nghề sản xuất nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng doanh thu hoạt động kinh doanh; tranh thủ mọi nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đáp ứng được yêu cầu phòng chống bão lụt, tưới tiêu và cấp nước;

- Đổi mới, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và lực lượng lao động theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động;

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hoàn thành tốt nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước được thành phố giao.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH thực hiện của kỳ kế hoạch 5 năm (2016-2020)
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:							
	- Diện tích tưới tiêu	Ha	17.220	17.610	17.510	17.360	17.160	86.860
	- Cấp nước thô	Triệu m ³	13,2	14,5	15,5	16,5	17,2	76,9
2	Doanh thu, trong đó:	Triệu đồng	40.715	48.500	51.000	54.000	58.000	252.215
	Hoạt động công ích	Triệu đồng	38.715	44.000	46.000	48.000	51.000	227.715
	Hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	2.000	4.500	5.000	6.000	7.000	24.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	300	330	365	405	460	1.860
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.000	1.200	1.350	1.500	1.650	6.700
5	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	4.500	28.900	182.000	193.600	210.000	619.000
6	Số lao động	Người	220	220	220	220	220	220
7	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	6	6,3	6,65	7	7,4	6,67

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020

- Xử lý sự cố sạt lở và nâng cấp cải tạo hệ thống kênh; cải tạo, nâng cấp trạm bơm điện, hồ sông Giá...

- Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác cho các dự án, công trình thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 với tổng kinh phí dự kiến 619,007 tỷ đồng, gồm:

+ Bổ sung kinh phí Dự án xử lý sạt lở và nâng cấp kênh Ngọc Khê: 24,007 tỷ đồng.

+ Dự án cải tạo, nâng cấp 16 trạm bơm điện: 15 tỷ đồng.

+ Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh thượng lưu cống Đông Xuân và cống Sơn huyện Thủy Nguyên: 180 tỷ đồng.

+ 02 Dự án thực hiện theo Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND thành phố Hải Phòng: 400 tỷ đồng.

Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 như sau:

STT	Tên dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)			Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng)					Nguồn
			Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn	Chưa bố trí vốn	2016	2017	2018	2019	2020	
I	Các dự án đang và sẽ triển khai đầu tư		225	5,993	219,007	4,5	18,907	62	73,6	60	
1	Xử lý sạt lở và nâng cấp kênh Ngọc Khê	QĐ số 517/QĐ-SNN ngày 23/11/2015	30	5,993	24,007	4,5	3,907	7	8,6	-	Ngân sách địa phương + thủy lợi phí
1a	Xử lý sự cố sạt lở công trình kênh Ngọc Khê - Gia có mái kênh bờ trái và 3 vị trí có cầu qua kênh bờ phải kênh (giai đoạn 1)		14,4	5,993 (từ thủy lợi phí)	8,4	4,5	3,907	-	-	-	Thủy lợi phí
1b	Xử lý sự cố sạt lở công trình kênh Ngọc Khê - Gia có mái kênh bờ phải và một số hạng mục công trình khác (giai đoạn 2)		15,6	-	15,6	-	-	7	8,6	-	Thủy lợi phí
2	Cải tạo nâng cấp 16 trạm bơm điện	NQ số 12/2009/NQ-HĐND	15	-	15	-	5	5	5	-	Sự nghiệp + thủy lợi phí
3	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh thượng lưu cống Đông Xuân và cống Sơn huyện Thủy Nguyên	QĐ số 197/QĐ-UBND ngày 08/02/2010	180	-	180	-	10	50	60	60	Sự nghiệp + thủy lợi phí

STT	Tên dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)			Phân kỳ thực hiện (tỷ đồng)					Nguồn
			Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn	Chưa bố trí vốn	2016	2017	2018	2019	2020	
II	Các dự án thực hiện theo Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND thành phố kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND thành phố Hải Phòng		400	-	400	-	10	120	120	150	
1	Điều chỉnh quy hoạch tưới tiêu cho các kênh nhánh hồ Sông Giá và kênh Hòn Ngọc (Điều chỉnh quy hoạch, cải tạo các kênh nhánh để tiêu thoát nước thải, nước ô nhiễm)		50	-	50	-	10	10	10	20	NSEP
2	Cải tạo và nâng cấp hồ Sông Giá (Xây dựng kè và làm đường ven hồ Sông Giá)		350	-	350	-	-	110	110	130	NSTW+ NSEP
Tổng (I+II)			624,993	5,993	619	4,5	28,9	182	193,6	210	

3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch

3.1. Giải pháp về tài chính

3.1.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích

Đẩy mạnh việc khai thác tăng thêm doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt và nguồn thu phí xả nước thải xuống công trình thủy lợi để có kinh phí cải tạo, sửa chữa thường xuyên các công trình.

3.1.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tích cực mở rộng sản xuất kinh doanh, thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế, tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Huy động vốn góp của cán bộ, công nhân lao động; vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

3.2. Giải pháp về sản xuất

3.2.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành hệ thống các công trình thủy lợi, làm tốt công tác phòng chống nhiễm mặn, khai thác triệt để khả năng lấy nước phù sa, thau chua rửa mặn, cải tạo đồng ruộng của các công trình. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, quy phạm vận hành công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố công trình trước, sau mùa mưa bão và trước các vụ sản xuất. Có kế hoạch cải tạo, sửa chữa nâng cấp, duy tu bảo dưỡng thường xuyên công trình, máy móc thiết bị, đảm bảo cho công trình vận hành an toàn trong mọi điều kiện.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, làm tốt công tác quy hoạch đảm bảo tính lâu dài và đồng bộ, hệ thống tưới tiêu được khép kín từ các công trình đầu mối đến mặt ruộng, phù hợp với từng loại cây trồng, vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Khai thác triệt để dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sinh hoạt. Bước đầu khai thác hợp đồng cung cấp nước thô với tất cả các đơn vị dùng nước có sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sản xuất nước sạch trên địa bàn huyện.

3.2.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thành lập xí nghiệp xây lắp, với nhân lực và máy móc thiết bị đủ mạnh để vươn ra đấu thầu các công trình xây dựng, lắp đặt thiết bị máy móc... trên địa bàn huyện, thành phố và các tỉnh khác. Xí nghiệp có tài khoản riêng để thực hiện việc sản xuất kinh doanh, hạch toán báo sổ theo sự quản lý, giám sát của Công ty.

- Tận dụng các điều kiện cơ sở vật chất hiện có về đất đai, bến bãi, mặt nước tại các công trình, máy móc, thiết bị hiện có để khai thác mở rộng các dịch vụ khác, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu.

- Thực hiện liên doanh, liên kết để mở rộng các ngành nghề sản xuất kinh doanh khác.

3.3. Giải pháp về marketing

- Xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty bằng chất lượng cung cấp các dịch vụ công ích, sản phẩm công trình do Công ty cung cấp và thực hiện.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu về Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty và các kênh thông tin khác đến khách hàng và đối tác.

3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động của Công ty có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, bằng hình thức đào tạo, đào tạo lại, cử cán bộ tham gia các lớp học tập trung, tại chức tại các trường chuyên ngành, cùng với việc mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn cho công nhân lao động tại Công ty.

- Quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn kế cận, các chức danh cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân lành nghề có năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Thực hiện việc thi tuyển để lựa chọn lao động mới ở những lĩnh vực, công việc còn thiếu và yếu.

3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành và vận hành hệ thống công trình thủy lợi, công tác kế toán, kỹ thuật...

- Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi phí tiền điện bơm nước.

- Lắp đặt hệ thống đóng mở bằng điện cho các công trình công tưới tiêu chính, nhằm giảm bớt lao động nặng nhọc cho công nhân vận hành, tiết kiệm lao động vận hành công trình.

3.6. Giải pháp về quản lý và điều hành

3.6.1. Về bảo vệ, quản lý và khai thác công trình thủy lợi

- Xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24/7/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, lập biên bản, đồng thời báo cáo và đề nghị chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cấp chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng tiến tới việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Nghị định số

130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện tiếp nhận các công trình thủy lợi theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

- Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống hạn, xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân; phương án phòng, chống lụt bão cho toàn hệ thống, từng khu vực và từng công trình trọng điểm.

3.6.2. Về tổ chức và lao động

- Sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm và chức năng, nhiệm vụ của Công ty, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, phân công lao động cho phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn của từng cán bộ, công nhân lao động, phát huy năng lực và sở trường cá nhân của người lao động; phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh lãnh đạo, từng cá nhân, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các cụm, các đội, các công trình trong Công ty.

- Xây dựng và áp dụng cơ chế khoán quản lý, khoán quỹ lương trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được thành phố ban hành, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động, thưởng phạt công minh và kịp thời.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, quy định nội bộ của doanh nghiệp phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tiễn để thống nhất trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Thực hiện việc trích 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của nhà nước và ưu tiên sử dụng nguồn quỹ trên cho các hoạt động chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân lao động của Công ty.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 tại Điều 1, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 theo quy định.

- Trên cơ sở tình hình thực hiện hàng năm, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo định hướng kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt.

- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Kế hoạch này có thể được điều chỉnh cho phù hợp sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: TL, DN, TC, NN;
- Lưu VP.



Ký bởi: Văn phòng
Email: vpu@haiphong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân
thành phố Hải Phòng
Thời gian ký: 03.02.2017
11:15:11 +07:00

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng